

CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Phi Hồ	Chủ tịch
Ông Trần Minh Thành	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 15/6/2015)
Ông Võ Xuân Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Chí Thanh	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)
Ông Vũ Hoàng Huynh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 06/02/2015)
Ông Phạm Đức Thắng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)
Ông Nguyễn Huy Hoàn	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 06/02/2015)

Ban Kiểm soát

Ông Phạm Xuân Bích	Trưởng Ban
Ông Lương Khắc Thanh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)
Ông Nguyễn Văn Chi	Thành viên
Bà Thái Thị Thùy Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 06/02/2015)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Minh Thành	Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thanh Giang	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Các sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính này được thuyết minh chi tiết tại thuyết minh số 25.1 - Thuyết minh báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh Miền Trung.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày **31/12/2015** phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ kế toán.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại **Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015** của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

Trần Minh Thành

Tổng Giám đốc

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Số: /2016/UHYACA MT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28/3/2016, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tại ngày **31/12/2015** cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyễn Duy Tuấn

Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số **1951**-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY ACA - CHI NHÁNH MIỀN TRUNG**

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Nguyễn Anh Dũng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số **1379**-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		79.339.950.342	75.588.394.951
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	26.608.559.126	73.717.656.666
111	1. Tiền		1.608.559.126	6.617.656.666
112	2. Các khoản tương đương tiền		25.000.000.000	67.100.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	49.600.000.000	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		49.600.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.731.077.282	1.736.386.592
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	764.060.640	1.368.849.940
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	7	967.016.642	367.536.652
140	IV. Hàng tồn kho	8	44.650.934	50.704.050
141	1. Hàng tồn kho		44.650.934	50.704.050
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.355.663.000	83.647.643
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	-	83.647.643
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14	1.355.663.000	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		63.382.917.931	50.990.791.977
220	II. Tài sản cố định		2.465.387.891	3.412.642.370
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.465.387.891	3.412.642.370
222	- Nguyên giá		29.551.748.160	29.508.420.160
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.086.360.269)	(26.095.777.790)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		52.859.000	52.859.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(52.859.000)	(52.859.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	40.893.915.154	38.914.036.063
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		40.893.915.154	38.914.036.063
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	12.586.500.000	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		12.586.500.000	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		7.437.114.886	8.664.113.544
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.437.114.886	8.664.113.544
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		142.722.868.273	126.579.186.928

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.913.624.350	15.892.466.841
310	I. Nợ ngắn hạn		6.913.624.350	15.892.466.841
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	379.104.802	781.412.410
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.890.597.527	2.797.772.349
314	4. Phải trả người lao động		1.722.792.696	1.557.903.579
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	15	821.478.419	9.326.460.559
322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.099.650.906	1.428.917.944
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		135.809.243.923	110.686.720.087
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	135.809.243.923	110.686.720.087
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		31.532.000.000	31.532.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		31.532.000.000	31.532.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.441.530.758	1.441.530.758
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu		2.969.144.190	2.969.144.190
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		73.876.080.177	48.877.433.206
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		25.990.488.798	25.866.611.933
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	1.067.613.032
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		25.990.488.798	24.798.998.901
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		142.722.868.273	126.579.186.928

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thanh Giang

Trần Minh Thành

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	60.635.414.890	61.077.621.605
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		60.635.414.890	61.077.621.605
11	4. Giá vốn hàng bán	19	22.101.005.092	21.916.519.143
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.534.409.798	39.161.102.462
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.714.214.764	3.532.084.899
25	8. Chi phí bán hàng		393.081.828	180.209.087
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.254.491.120	10.361.004.398
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		33.601.051.614	32.151.973.876
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác		19.424	31.321
40	13. Lợi nhuận khác		(19.424)	(31.321)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		33.601.032.190	32.151.942.555
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	7.610.543.392	7.352.943.654
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		25.990.488.798	24.798.998.901
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	8.243	7.865
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		8.243	7.865

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thanh Giang

Trần Minh Thành

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm 2015	Năm 2014
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	33.601.032.190	32.151.942.555
	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	990.582.479	1.116.111.930
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(3.714.214.764)	(3.532.084.900)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	30.877.399.905	29.735.969.585
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(630.604.044)	(502.131.600)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	6.053.116	52.434.240
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	(728.554.490)	965.102.253
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	1.310.646.301	2.107.294.119
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(7.532.704.093)	(7.204.351.947)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	52.140.000	471.600.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(1.660.547.464)	(755.284.684)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	21.693.829.231	24.870.631.966
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.456.540.500)	(9.782.260.135)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(49.600.000.000)	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(12.586.500.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.723.113.729	3.467.798.745
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(60.919.926.771)	(6.314.461.390)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(7.883.000.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(7.883.000.000)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(47.109.097.540)	18.556.170.576
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	73.717.656.666	55.161.486.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	26.608.559.126	73.717.656.666

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thanh Giang

Trần Minh Thành

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An và hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 7 năm 2004, thay đổi lần thứ 06 ngày 05 tháng 7 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 31.532.000.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2015 là 31.532.000.000 đồng chia thành 3.153.200 cổ phần với mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 160 người (tại ngày 31/12/2014 là 153 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường là trong vòng 12 tháng

1.4 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015, Công ty lần đầu tiên áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp được hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009. Công ty không có các nghiệp vụ cần điều chỉnh hồi tố do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán. Thông tư 200/2014/TT-BTC cũng thể hiện sự thay đổi trong cách trình bày một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Công ty đã trình bày và phân loại lại các số liệu so sánh cho phù hợp với cách trình bày mới. Chi tiết về việc phân loại lại các số liệu so sánh được trình bày tại Thuyết minh số 25.3 Thuyết minh báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp) và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày **31/12/2015**.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thu hồi được. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được, số tổn thất do không thu hồi được phải được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác là các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính vào đơn vị khác được Công ty trích lập như sau và có thể được hoàn nhập:

- Nếu khoản đầu tư được niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của khoản đầu tư;
- Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy tại thời điểm lập báo cáo tài chính, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ lũy kế trên báo cáo tài chính của đơn vị được đầu tư.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: Khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi (nếu có) được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính được khấu hao trong vòng 05 năm.

3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của dự án bến xe Nam Vinh và dự án bến xe Bắc Vinh được bù trừ dần vào tiền thuê đất hằng năm của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các khoản công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định có giá gốc là trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 03 năm.

3.10 NỢ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

3.11 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Các chi phí phát sinh liên quan đến việc phát hành thêm cổ phiếu (trừ các ảnh hưởng thuế) được ghi giảm trừ thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ dự trữ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội cổ đông. Từ năm 2015, quỹ dự phòng tài chính không được sử dụng và số dư quỹ này được chuyển sang quỹ đầu tư phát triển.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 DOANH THU

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (GTGT)

Các dịch vụ của Công ty chịu thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là **22%** tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 CHI PHÍ

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

Các khoản chi phí không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

3.15 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3.16 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.384.542.923	5.745.878.585
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	224.016.203	871.778.081
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng)	25.000.000.000	67.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nghệ An	17.500.000.000	44.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tin - CN Nghệ An	7.500.000.000	22.600.000.000
Tổng	<u>26.608.559.126</u>	<u>73.717.656.666</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	49.600.000.000	49.600.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	49.600.000.000	49.600.000.000	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Nghệ An (VPBank), Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nghệ An (Sacombank) và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu - CN Nghệ An (ACB).

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	12.586.500.000	-	12.586.500.000	-	-	-
- Công ty CP Khai thác Bến xe và dịch vụ vận tải Khánh Hòa	12.586.500.000	-	12.586.500.000	-	-	-

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty CP Khai thác Bến xe và dịch vụ vận tải Khánh Hòa	16,45%	16,45%	Kinh doanh dịch vụ bến xe và vận tải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Quy hoạch XD Á Đông	420.000.000	-	420.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Thành An	211.939.800	-	211.939.800	-
Công ty XD và Dịch vụ TM Hoàng Khánh	-	-	607.057.300	-
Công ty TNHH Phần mềm NDOT	120.000.000	-	120.000.000	-
Các đối tượng khác	12.120.840	-	9.852.840	-
Tổng	764.060.640	-	1.368.849.940	-

7. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	967.016.642	-	367.536.652	-
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn	842.784.722	-	271.351.389	-
- Tạm ứng	35.000.000	-	95.000.000	-
- Phải thu khác	89.231.920	-	1.185.263	-

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.328.031	-	22.850.884	-
Hàng hóa	29.322.903	-	27.853.166	-
Tổng	44.650.934	-	50.704.050	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Công trình bến xe Diễn Châu	27.892.182	27.892.182
- Công trình bến xe Nam Vinh	22.910.602.991	22.910.602.991
- Công trình bến xe Bắc Vinh	16.823.830.038	14.843.950.947
- Công trình khác	1.131.589.943	1.131.589.943
Tổng	40.893.915.154	38.914.036.063

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23.844.899.344	4.683.971.693	979.549.123	29.508.420.160
Số tăng trong năm	-	-	43.328.000	43.328.000
- Mua trong năm	-	-	43.328.000	43.328.000
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.844.899.344	4.683.971.693	1.022.877.123	29.551.748.160
Trong đó:				
- Đã hết khấu hao còn sử dụng	21.882.494.781	1.993.631.693	663.536.364	24.539.662.838
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	23.121.121.889	2.245.228.302	729.427.599	26.095.777.790
Số tăng trong năm	354.526.176	448.389.996	187.666.307	990.582.479
- Khấu hao trong năm	354.526.176	448.389.996	187.666.307	990.582.479
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	23.475.648.065	2.693.618.298	917.093.906	27.086.360.269
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	723.777.455	2.438.743.391	250.121.524	3.412.642.370
Tại ngày cuối năm	369.251.279	1.990.353.395	105.783.217	2.465.387.891

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá 52.859.000 đồng đã khấu hao hết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	83.647.643
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	83.647.643
b) Dài hạn	7.437.114.886	8.664.113.544
- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	6.665.833.044	7.391.116.044
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	512.483.754	578.940.568
- Các khoản khác	258.798.088	694.056.932

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá trị	Khả năng	Giá trị	Khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	trả nợ VND
Ngắn hạn	379.104.802	379.104.802	781.412.410	781.412.410
- Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Nghệ An	59.755.312	59.755.312	54.410.000	54.410.000
- Công ty CP Tư vấn Xây dựng giao thông VINACO	55.349.400	55.349.400	55.349.400	55.349.400
- CTy xây dựng & dịch vụ thương mại Hoàng Khánh	161.930.000	161.930.000	-	-
- CTy CP Đầu tư và Xây Dựng Số 2 Nghệ An	-	-	396.061.000	396.061.000
- Cty CP Thương Mại và Du Lịch Vinh Hưng	-	-	162.490.000	162.490.000
- Các nhà cung cấp khác	102.070.090	102.070.090	113.102.010	113.102.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp	Số thực nộp	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	349.488.998	5.267.209.143	5.221.089.009	395.609.132
Thuế TNDN	2.285.873.514	7.610.543.392	7.532.704.093	2.363.712.813
Thuế TNCN	135.036.290	583.464.307	614.598.562	103.902.035
Thuế nhà đất	15.567.647	75.703.990	75.703.990	15.567.647
Tiền thuê đất	-	1.889.561.000	3.245.224.000	(1.355.663.000)
Phí, lệ phí, thuế khác	11.805.900	16.000.000	16.000.000	11.805.900
Trong đó				
- Trình bày là phải thu	-			1.355.663.000
- Trình bày là phải trả	2.797.772.349			2.890.597.527

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	821.478.419	9.326.460.559
- Kinh phí công đoàn	-	11.392.650
- Bảo hiểm xã hội	6.454.512	-
- Bảo hiểm y tế	-	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	396.399.998	755.067.909
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	327.000.000	677.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	7.883.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	91.623.909	-

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.428.917.944	773.023.152
Tăng trong năm:	876.104.962	1.348.584.476
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận	867.964.962	1.343.407.476
- Tăng khác	8.140.000	5.177.000
Chi trong năm	1.205.372.000	692.689.684
Số dư cuối năm	1.099.650.906	1.428.917.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	34.954.846.628	24.425.590.488	95.323.112.064
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	24.798.998.901	24.798.998.901
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	13.922.586.578	-	13.922.586.578
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(23.148.994.054)	(23.148.994.054)
Giảm khác	-	-	-	-	(208.983.402)	(208.983.402)
Số dư cuối năm trước	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	48.877.433.206	25.866.611.933	110.686.720.087
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	25.990.488.798	25.990.488.798
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	24.998.646.971	-	24.998.646.971
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	(25.866.611.933)	(25.866.611.933)
Số dư cuối năm nay	31.532.000.000	1.441.530.758	2.969.144.190	73.876.080.177	25.990.488.798	135.809.243.923

(*) Theo Nghị quyết số 154/NQ-HĐQT ngày 08/8/2015, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

Tổng lợi nhuận được phân phối:	25.866.611.933
Trích lập các quỹ:	
- Quỹ khen thưởng Ban điều hành	371.984.984
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	495.979.978
- Quỹ đầu tư phát triển	24.998.646.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

17.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	Tỷ lệ	01/01/2015	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH SX và TM Quốc Tê Vũ Hoàng	6.293.000.000	19,96	6.293.000.000	19,96
Công ty CP Khoáng Sản Bắc Cạn	1.892.000.000	6,00	1.892.000.000	6,00
Ông Phạm Quốc Tuấn	10.843.000.000	34,39	10.843.000.000	34,39
Ông Vũ Hoàng Huynh	4.436.000.000	14,07	4.436.000.000	14,07
Ông Trần Minh Thành	1.907.000.000	6,05	839.000.000	2,66
Cổ đông khác	6.161.000.000	19,53	7.229.000.000	22,92
Tổng	31.532.000.000	100,00	31.532.000.000	100,00

17.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	31.532.000.000	31.532.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	31.532.000.000	31.532.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	7.883.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-

17.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.153.200	3.153.200
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.153.200	3.153.200
- Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.153.200	3.153.200
- Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	3.153.200
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	60.635.414.890	61.077.621.605
Tổng	<u>60.635.414.890</u>	<u>61.077.621.605</u>

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.101.005.092	21.916.519.143
Tổng	<u>22.101.005.092</u>	<u>21.916.519.143</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.714.214.764	3.532.084.899
Tổng	<u>3.714.214.764</u>	<u>3.532.084.899</u>

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.233.598.345	1.927.068.983
Chi phí công cụ dụng cụ	1.045.868.827	810.371.437
Chi phí nhân công	16.276.777.295	16.322.024.976
<i>Trong đó: - Tiền lương, tiền công</i>	<i>14.975.953.415</i>	<i>15.027.843.461</i>
<i>- Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp</i>	<i>1.300.823.880</i>	<i>1.294.181.515</i>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	990.582.479	1.116.111.930
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.886.882.854	1.694.556.749
Chi phí khác bằng tiền (*)	6.314.868.240	10.587.598.553
Tổng	<u>30.748.578.040</u>	<u>32.457.732.628</u>

(*) Trong đó, chi phí khác bằng tiền năm 2015 bao gồm:

- Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	875.000.000
- Tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.965.264.989
- Chi ăn ca cho người lao động	1.007.721.162
- Chi phí khác (chi công tác phí, tiếp khách, hội họp, bảo hiểm xe ô tô, tư vấn pháp luật thường xuyên, chi lễ tân, khánh tiết, khác ...)	2.466.901.513

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	33.601.032.190	32.151.942.555
Điều chỉnh tăng	992.346.868	1.485.998.303
- Các khoản phạt	-	31.321
- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát không chuyên trách	810.623.535	384.000.000
- Khấu hao xe ô tô vượt nguyên giá 1,6 tỷ đồng	181.723.333	101.966.982
- Ứng hộ xây dựng khu di tích Trường Bồn	-	1.000.000.000
Điều chỉnh giảm	-	215.469.700
- Phân bổ chi phí theo quyết định của Thanh tra thuế số 2266/QĐ-CT ngày 04/11/2014 của Cục thuế Nghệ An	-	215.469.700
Lợi nhuận trước thuế trước điều chỉnh lỗ năm trước	34.593.379.058	33.422.471.158
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	34.593.379.058	33.422.471.158
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>7.610.543.392</u>	<u>7.352.943.654</u>

23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	25.990.488.798	24.798.998.901
Các khoản điều chỉnh:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	25.990.488.798	24.798.998.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.153.200	3.153.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>8.243</u>	<u>7.865</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên góp vốn thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuần và phần vốn góp của các thành viên góp vốn của Công ty gồm vốn góp các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.608.559.126	-	73.717.656.666	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	967.016.642	-	367.536.652	-
Đầu tư ngắn hạn	49.600.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	12.586.500.000	-	-	-
Tổng	89.762.075.768	-	74.085.193.318	-

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	1.200.583.221	10.107.872.969
Tổng	1.200.583.221	10.107.872.969

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Rủi ro thị trường

Công ty đã thực hiện đánh giá một cách thận trọng các rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và cho rằng Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến rủi ro thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, do đó, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và dòng tiền của các khoản gốc.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	1.200.583.221	-	-	1.200.583.221
Tổng	1.200.583.221	-	-	1.200.583.221
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	10.107.872.969	-	-	10.107.872.969
Tổng	10.107.872.969	-	-	10.107.872.969

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Bảng dưới đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính chưa gồm lãi từ các tài sản đó. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.608.559.126	-	-	26.608.559.126
Phải thu khách hàng, phải thu khác	967.016.642	-	-	967.016.642
Đầu tư ngắn hạn	49.600.000.000	-	-	49.600.000.000
Đầu tư dài hạn	-	12.586.500.000	-	12.586.500.000
Tổng	77.175.575.768	12.586.500.000	-	89.762.075.768
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	73.717.656.666	-	-	73.717.656.666
Phải thu khách hàng, phải thu khác	367.536.652	-	-	367.536.652
Tổng	74.085.193.318	-	-	74.085.193.318

25. THÔNG TIN KHÁC

25.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh:

Ngày 29/02/2016, Cục Thuế tỉnh Nghệ An ban hành Quyết định số 306/QĐ-CT về việc miễn giảm tiền thuê đất, theo đó, Công ty CP Bến xe Nghệ An được miễn giảm tiền thuê đất năm 2015 với số tiền là 1.355.663.000 đồng. Công ty đã hạch toán điều chỉnh giảm chi phí năm 2015 trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính không cần điều chỉnh:

Ngày 24/02/2016, Công ty đã mua 215.100 cổ phần, tương đương 52,35% vốn điều lệ của Công ty CP Thương mại và Du lịch Bến Thủy với giá mua 70.000 đồng/Cổ phần, tổng số tiền mua là 15.057.000.000 đồng. Kể từ ngày 24/02/2016, Công ty CP Thương mại và Du lịch Bến Thủy chính thức trở thành công ty con của Công ty CP Bến xe Nghệ An.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25.2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong năm như sau:

- Trong năm, ông Trần Minh Thành – Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc của Công ty có mua thêm 106.800 cổ phần từ các cổ đông khác, theo đó, hiện tại ông Trần Minh Thành sở hữu 190.700 cổ phần, chiếm 6,05% vốn điều lệ của Công ty, trở thành cổ đông lớn chiếm trên 5% vốn điều lệ.
- Giao dịch khác với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc (*)	2.641.716.672	2.074.314.101

(*) Trong đó: quyết toán thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2013, 2014 là 590.372.943 đồng.

25.3 SÓ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA – Chi nhánh Miền Trung. Trong đó, một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này, do Công ty áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC về Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể:

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>	<u>Chênh lệch</u>
		VND	VND	VND
Bảng Cân đối kế toán				
- Tài sản ngắn hạn khác	158	-	95.000.000	(95.000.000)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	367.536.652	272.536.652	95.000.000

Nghệ An, ngày 28 tháng 3 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy Linh

Nguyễn Thanh Giang

Trần Minh Thành